TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 705/2022/DS-ST
Ngày: 23/11/2022.
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Văn Vân.

2- Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 426/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 533/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 587/2022/QĐST-DS ngày 31/10/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Bà B, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp F, xã G, huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2020, nguyên đơn bà A trình bày:

Vào ngày 25/10/2017, bà B có vay của bà số tiền 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng và có làm hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Nguyễn Tất Thành, số công chứng 002082/GĐGD-HĐVT, lãi suất thỏa thuận 7%/tháng. Bà B không trả tiền lãi và vốn. Bà yêu cầu Tòa án buộc bà B trả số tiền 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng và lãi suất theo quy định của Ngân hàng.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/11/2021, nguyên đơn bà A yêu cầu Tòa án buộc bà B trả 130.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi là 47.000.000 đồng và lãi suất đến khi Tòa tuyên án.

Bị đơn bà B đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà B vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án không tiến hành hòa giải được nên phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà A thay đổi, bổ sung một phần yêu cầu về tiền lãi, cụ thể bà A yêu cầu Tòa án buộc bà B trả số tiền vốn gốc vay là 130.000.000 đồng, tiền lãi theo lãi suất pháp luật quy định từ ngày 25/10/2017 đến ngày 25/10/2022 thời gian tròn 05 năm, tiền lãi thời gian từ ngày 25/10/2022 đến ngày Tòa tuyên án là 23/11/2022 chưa tròn tháng bà A không yêu cầu bà B trả, cách trả bà A yêu cầu bà B trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn bà B vắng mặt nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở xác định tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà B.

[3] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà A yêu cầu buộc bị đơn bà B trả lãi suất theo quy định của Ngân hàng; theo đơn khởi kiện bổ sung nguyên đơn bà A yêu cầu buộc bị đơn bà B trả tiền lãi là 47.000.000 đồng và lãi suất đến khi Tòa tuyên án; tại phiên tòa, nguyên đơn bà A thay đổi, bổ sung một phần yêu cầu về tiền lãi, cụ thể bà A yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà B trả tiền lãi theo lãi suất pháp luật quy định từ ngày 25/10/2017 đến ngày 25/10/2022 thời gian tròn 05 năm, tiền lãi thời gian từ ngày 25/10/2022 đến ngày Tòa tuyên án là 23/11/2022 chưa tròn tháng bà A không yêu cầu bà B trả, căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc nguyên đơn bà A thay đổi, bổ sung yêu cầu về tiền lãi không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A.

* Về nội dung:

[4] Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ gồm:

- Hợp đồng vay tiền giữa bà A với bà B được Văn phòng công chứng Nguyễn Tất Thành chứng nhận ngày 25/10/2017, số công chứng 002082/GĐGD-HĐVT, quyển số 10/TP/CC-SCC/HĐGD, nội dung: Bà A cho bà B vay số tiền 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng, lãi suất do hai bên thỏa thuận nhưng không trái với quy định của pháp luật; thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày hợp đồng được công chứng; bà B sẽ thanh toán cho bà A toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi chậm nhất là vào ngày cuối cùng của kỳ hạn vay.

- Giấy thỏa thuận do bà B viết và ký tên ngày 25/10/2017, nội dung: Bà B có mượn bà A số tiền 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng; lãi suất hàng tháng là

7%, bà B phải trả hàng tháng; ngày nhận tiền là ngày 25/10/2017, ngày trả lãi tháng đầu tiên là ngày 25/11/2017.

Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Ngày 25/10/2017, bà A có cho bà B vay số tiền 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng, thời hạn vay là 24 tháng, lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 7%/tháng, tiền lãi trả hàng tháng. Do bà B chưa trả tiền vốn và tiền lãi cho bà A nên phát sinh tranh chấp.

[5] Xét nguyên đơn bà A yêu cầu Tòa án buộc bà B trả số tiền vốn gốc vay là 130.000.000 đồng, tiền lãi theo lãi suất pháp luật quy định từ ngày 25/10/2017 đến ngày 25/10/2022 thời gian tròn 05 năm, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật:

[5.1] Bà A yêu cầu bà B trả số tiền vốn gốc vay 130.000.000 đồng là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.2] Bà A yêu cầu bà B trả tiền lãi theo lãi suất pháp luật quy định từ ngày 25/10/2017 đến ngày 25/10/2022 thời gian tròn 05 năm:

- Lãi suất vay bà A và bà B thỏa thuận 7%/tháng là vi phạm khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất hai bên thỏa thuận không được quá 20%/năm, lãi suất vượt quá 20%/năm không có hiệu lực. Lãi suất hai bên thỏa thuận cần phải được tính lại cho phù hợp quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà A đồng ý lấy mức lãi suất 20%/năm để tính tiền lãi trong hạn; căn cứ điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, do tiền lãi trong hạn tính là 20%/năm nên lãi quá hạn tính là 30%/năm; tiền lãi thời gian từ ngày 25/10/2017 đến ngày 25/10/2022, cụ thể:

+ Tiền lãi trong hạn 24 tháng theo hợp đồng, từ ngày 25/10/2017 đến ngày 25/10/2019 tương ứng thời gian 02 năm cụ thể: 130.000.000 đồng x 20%/năm x 02 năm = 52.000.000 đồng.

+ Tiền lãi quá hạn từ ngày 25/10/2019 đến ngày 25/10/2022 tương ứng thời gian 03 năm cụ thể: 130.000.000 đồng x 30%/năm x 03 năm = 117.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi trong hạn và quá hạn là 169.000.000 đồng, số tiền lãi nguyên đơn bà A yêu cầu là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.3] Nguyên đơn bà A yêu cầu Tòa án buộc bà B trả tiền vốn vay là 130.000.000 đồng và tiền lãi là 169.000.000 đồng, tổng cộng là 299.000.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 yêu cầu của bà A là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bị đơn bà B, sinh năm 1958, là người cao tuổi lẽ ra được miễn nộp tiền án phí; tuy nhiên, do bà B đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, bà B không có đơn đề nghị miễn án phí nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xét cho bà B được miễn nộp tiền án phí. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử buộc bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, khoản 1, 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà A:

Buộc bà B trả cho bà A số tiền vốn và lãi là 299.000.000 (hai trăm chín mươi chín triệu) đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà B chưa thi hành trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà B còn phải trả cho bà A tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 14.950.000 (mười bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Hoàn trả cho bà A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.250.000 (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0084697 ngày 05/10/2020 và 1.175.000 (một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0043337 ngày 19/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp.Hồ Chí Minh (01b);
- VKSND H.Củ Chi (02b);
- Chi cục THA Dân sự H.Củ Chi (01b);
- Các đương sự (02b);
- Lưu: Vp, hồ sơ (02b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Thắm